

Số: 155/2020/QĐST-HNGĐ

Q, ngày 03 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 135/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Khu 7, phường Yên H, thị xã Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Chị Đặng Thị Ph, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu 7, phường Yên H, thị xã Q, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị Ph
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị Ph có 03 con chung là: Bùi Thị H1, sinh ngày 01/11/1992; Bùi Văn M, sinh ngày 03/07/1995 và Bùi Thị D, sinh ngày 18/04/2007. Ly hôn, anh H và chị Ph thoả thuận về con chung như sau: 02 con chung Bùi Thị H1 và Bùi Văn M đã thành niên nên anh H và chị Ph không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con chung Bùi Thị D, sinh ngày 18/4/2007 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Bùi Thị D là 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/01tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 08/2020 đến khi con

chung Bùi Thị D thành niên. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Anh Bùi Văn H và chị Đặng Thị Ph thỏa thuận hai bên tự giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Anh Bùi Văn H tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), gồm: 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001837 ngày 02/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Q. Anh H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TX Q ;
- Chi cục THADS TX Q ;
- UBND phường Yên H ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga